

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 3215/SXD-QH ngày 18/5/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến về 05 hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã của 05 xã: Thọ Bình, Hợp Tiến, Xuân Lộc, Triệu Thành, Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 144/TĐ-KTHT ngày 20/5/2021 (kèm theo Tờ trình của UBND xã Hợp Tiến).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện

Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

- Xã Hợp Tiến nằm ở phía Tây huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Xã cách trung tâm huyện Triệu Sơn 6 km.

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Hợp Tiến, ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Hợp Thắng;
- + Phía Nam giáp xã Triệu Thành;
- + Phía Tây giáp xã Hợp Lý và xã Cán Khê huyện Như Thanh;
- + Phía Đông giáp xã Hợp Thành.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 668,84ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

Cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ lập và dự toán quy hoạch, được UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt tại Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 12/03/2021.

2.2. Tính chất, chức năng của xã:

Quy hoạch xây dựng xã Hợp Tiến là quy hoạch xây dựng nông thôn; chức năng là sản xuất, phát triển kinh tế nông nghiệp, cây cảnh gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ của vùng huyện Triệu Sơn.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.1. Quy mô dân số, lao động:

3.1.1. Dân số:

Dân số hiện trạng là 3.557 người; dự báo đến năm 2025 là 3.755 người, đến năm 2030 là 3.979 người.

3.1.2. Lao động:

Dự báo lao động đến năm 2025 là 2.440 người, đến năm 2030 là 2.785 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.2.1. Về sử dụng đất:

- Điểm dân cư nông thôn:
 - + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người};$
 - + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$
 - + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$
 - + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người};$
- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2.$
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$
- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$
- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$.
- (Có vườn thuốc $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 500\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 4.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 3.000\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường: $\geq 1 \text{ kg rác/người/ngày/đêm}$.
- Về cấp nước tiêu chuẩn: $\geq 120 \text{ lít/người/ngày}$.
- Về thoát nước bản tiêu chuẩn: $\geq 80 \% \text{ lượng nước cấp}$.
- Về cấp điện tiêu chuẩn: $\geq 660\text{W}/\text{hộ/ngày/đêm}$.

3.2.3. Các nội dung khác: Theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn – tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã: Khu trung tâm của xã được bố trí nằm trên trục đường chính của xã (tại thôn 2), hướng kết nối ra tuyến TL.514, TL.514B và TL.506. Các công trình khu trung tâm gồm: Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế...

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung: Khu trung tâm của xã được bố trí nằm trên trục đường chính của xã (tại thôn 2), hướng kết nối ra tuyến TL.514, TL.514B và TL.506. Các công trình khu trung tâm gồm: Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế...

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ

4.3.1 Khu sản xuất nông nghiệp

a) Ngành trồng trọt:

- Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (*cánh đồng mẫu lớn*).

- Cây ăn quả: Tập trung trồng các loại cây ăn quả có nguồn gốc tại địa phương, có thương hiệu trên thị trường như: Quýt cảnh, Na, cây ăn quả có múi như bưởi da xanh, bưởi diễm, ổi.

b) Ngành chăn nuôi – trồng trọt khác:

Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã cần đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại. Quy hoạch xây dựng trang trại tại các khu vực sau:

- Trang trại khu vực đồng Lò Ngói, thôn 1 với diện tích 2,04ha (Ô đất ký hiệu NKH01);

- Trang trại khu vực đồng Rùa Cao, thôn 1 với diện tích 1,07ha (Ô đất ký hiệu NKH02);
- Trang trại khu vực đồng Cầu Vàng, thôn 2 với diện tích 0,98ha (Ô đất ký hiệu NKH03);
- Trang trại khu vực đồi Ải Rẻ, thôn 4 với diện tích 1,75ha (Ô đất ký hiệu NKH04);
- Trang trại khu vực đồng Lón, thôn 4 với diện tích 2,17ha (Ô đất ký hiệu NKH05);
- Trang trại khu vực đồng Tầm, thôn 4 với diện tích 3,50ha (Ô đất ký hiệu NKH06);
- Trang trại khu vực đồng Nhà Lò, thôn 3 với diện tích 2,83ha (Ô đất ký hiệu NKH07).

c) Ngành thủy sản: Bố trí diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã là 15 ha (giữ nguyên diện tích ao, hồ hiện có).

4.3.2. Khu sản xuất kinh doanh – Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Bố trí 04 khu tiểu thủ công nghiệp, để đáp ứng phát triển các nghề, như: Cơ khí ô tô, nghề mộc, vật liệu xây dựng, cây cảnh..... Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 với diện tích 33,46ha. Cụ thể:

- Khu tiểu thủ công nghiệp tại đồng Bái Mài, Đồng Cây Sung, thôn 1 với diện tích 5,0ha (Ô đất ký hiệu SKC01);
- Khu sản xuất kinh doanh tại đồng Thùng, thôn 3 với diện tích 21,70ha (Ô đất ký hiệu SKC02);
- Khu sản xuất kinh doanh tại Khu vực thôn 3 (giáp TL 514) với diện tích 5,60ha (Ô đất ký hiệu SKC03);
- Khu sản xuất kinh doanh thôn 5 (giáp xã Hợp Thành) với diện tích 1,16ha (Ô đất ký hiệu SKC04).

4.3.3. Khu vực dịch vụ - thương mại.

- Quy hoạch nơi làm việc hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại thôn 3, khu vực Đồng Thùng với diện tích là 0,70ha (Ô đất ký hiệu TMD01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng.

- Khu thương mại dịch vụ thôn 2, giáp TL 506 với diện tích 4,08ha (Ô đất ký hiệu TMD02). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng.

4.4. Khu vực có khả năng phát triển.

- Khu vực thôn 2 gần trụ sở ủy ban (khu vực trung tâm xã).
- Khu vực ven đường Tỉnh lộ 514, thôn 3 khu vực đồng Thùng được quy hoạch, gồm: Khu tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, đất dân cư mới phát triển....;
- Khu vực tại thôn 1, thôn 2 và thôn 5: tổ chức các khu dân cư mới tập trung phục vụ nhu cầu về nhà ở đến năm 2030 cho nhân dân trên địa bàn xã.

4.5. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối.

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp. Khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng bao gồm: bao gồm các vùng xung quanh các Hồ - Đập, sườn đồi. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Phân vùng kinh tế.

Toàn xã Hợp Tiến đến năm 2030, được chia thành 02 vùng phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (*Đọc hai bên trục đường Tỉnh lộ 514 và hai bên trục Tỉnh lộ 506*): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp tập trung trung kết hợp kinh doanh thương mại nhỏ, lẻ.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng.

5.2.1. Khu công sở xã: Quy hoạch xây dựng mới Trụ sở UBND xã tại khu đất của trường THCS với diện tích khu đất 0,61ha (trường chuyển sang vị trí mới do chưa đủ diện tích đạt chuẩn quốc gia). Mật độ xây dựng 40% khu đất, tầng cao 1 -3 tầng. Ô đất ký hiệu TSC01.

5.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã.

a) Trung tâm văn hóa xã: Quy hoạch xây dựng mới Hội trường có sức chứa 250 chỗ ngồi; 01 phòng thư viện + đọc sách, 01 phòng đài truyền thanh; 01 phòng hành chính. Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng.

b) Sân thể thao xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn 2, diện tích 7.145,8 m² (Ô đất ký hiệu DTT03).

5.2.3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn.

a) Nhà văn hóa thôn:

- Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn 1, 2, 3, 4, 5 đảm bảo diện tích và các quy định tại quy chuẩn 01:2019 và các quy định trong thiết chế văn hóa.

+ Nhà văn hóa thôn 1 tại khu vực Đồng Tù với diện tích khuôn viên 0,22ha. (Ô đất ký hiệu NVH01);

+ Nhà văn hóa thôn 2 tại khu vực Đồng Xa Hán với diện tích khuôn viên 0,05ha. (Ô đất ký hiệu NVH02);

+ Nhà văn hóa thôn 3 tại khu vực Đồng Thùng với diện tích khuôn viên 0,20ha. (Ô đất ký hiệu NVH03);

+ Nhà văn hóa thôn 4 tại khu vực Đồi lâm nghiệp với diện tích khuôn viên 0,21ha. (Ô đất ký hiệu NVH04);

+ Nhà văn hóa thôn 5 tại khu vực Đồng Đình với diện tích khuôn viên 0,10ha. (Ô đất ký hiệu NVH04).

- Mật độ xây dựng các nhà văn hóa là 40%. Tầng cao 1 -3 tầng.

b) Sân thể thao thôn:

- Đối với các khu thể thao sử dụng chung trong khuôn viên của nhà văn hóa thôn, cần đầu tư các trang thiết bị thể thao chuyên dụng để đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong thôn.

- Giữ nguyên vị trí, diện tích sân thể thao thôn 1, diện tích 645,9m² (Ô đất ký hiệu DTT01); Sân thể thao thôn 2, diện tích 1.189,4 m² (Ô đất ký hiệu DTT02); Sân thể thao thôn 4, diện tích 5.032,2 m² (Ô đất ký hiệu DTT03).

5.2.4. Công trình y tế: Giữ nguyên tại vị trí hiện trạng tại thôn 2. Với diện tích 5.718,0 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu YT01).

5.2.5. Công trình giáo dục.

Hiện tại trên địa bàn xã có 3 cấp trường học, cụ thể các trường như sau:

a) Trường Mầm non:

Giữ nguyên ở vị trí tại thôn 2, diện tích khu đất: 3.008,8 m². Mật độ xây dựng công trình 40%. Tầng cao 1-2 tầng (Ô đất ký hiệu DGT01).

b) Trường Tiểu học và Trung học cơ sở:

Giữ nguyên vị trí trường Tiểu học và THCS tại vị trí thôn 2, đồng thời mở rộng khuôn viên với diện tích 0,41ha. Mật độ xây dựng công trình 45%. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DGT02).

c) Trường THPT Triệu Sơn 3:

Giữ nguyên vị trí và mở rộng thêm diện tích 0,78ha để làm khu vực giáo dục thể chất cho trường Trung học phổ thông Triệu Sơn 3. Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 -2. (Ô đất ký hiệu DGT03).

5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã: Được giữ nguyên vị trí tại thôn 2 với diện tích 400 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DBV01).

5.2.7. Trụ sở công an xã:

Quy hoạch xây dựng trụ sở công an với diện tích 2.200 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu CAN01).

5.2.8. Nhà trực trung đội dân quân cơ động xã: Mở mới nhà trực trung đội dân quân cơ động xã nằm trong khuôn viên trụ sở ủy ban xã cũ với diện tích là 0,14ha. Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CQP01).

5.3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch khu dân cư mới và cũ

- Trên địa bàn xã hiện nay có 5 thôn (thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5). Các khu vực dân cư tập trung tại các thôn giữ nguyên theo hiện trạng; Ban hành các quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của nhà ở dân cư, thôn, xóm.

- Bố trí quỹ đất xây dựng khu dân cư mới đến năm 2025 với tổng diện tích 13,32ha; Đến năm 2030 diện tích khoảng 25,52ha; Mật độ xây dựng 80%. Tầng cao 1-3 tầng. (Ô đất ký hiệu PT01 - PT24).

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất

a) Hệ thống giao thông nội đồng:

Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông chưa đảm bảo quy định trong xây dựng NTM, đáp ứng nhu cầu đi lại sản xuất của người dân.

b) Hệ thống thủy lợi:

- Quy hoạch chỉnh trang nạo vét, đắp bờ, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng với tổng chiều dài 19.251 m.

- Nâng cấp tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính do Công ty Sông Chu và xã quản lý; Nâng cấp hệ thống kênh C6 với chiều dài 1.105m; Nâng cấp kênh do xã quản lý với chiều dài: 8.505m.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật

6.2.1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường TL.514 qua xã với chiều dài 1,57km; Lộ giới 26,0m, nền đường 12,0m, hành lang giao thông (7,0mx2)..

- Đường TL.514B qua xã với chiều dài 2,36km; Lộ giới 42,0m, nền đường 26,0m, hành lang giao thông (15,0mx2).

- Đường TL.506 chạy qua xã với chiều dài 2,05km; Lộ giới 80,0m, nền đường 41,0m (mặt đường 11mx2=22m, dải phân cách giữa 18,0m, lề đường 0,5mx2=1,0m), taluy đường + rãnh thoát nước 3,0mx2=6,0m, đường gom 6,5mx2=13,0m, hành lang đường + taluy đường gom 10,0mx2=20,0m.

- Đường huyện ĐH-TS.08 chạy qua xã với chiều dài 3,2km; nền đường 6,5m, mặt đường 3,5m, lề đường 1,5mx2=3,0m.

- Đường xã: gồm 03 tuyến, với tổng chiều dài là 5,74km; Ký hiệu từ ĐTX-HT.01 - ĐTX-HT.03. Lộ giới (14,5÷20,5m), nền đường là (6,5÷10,5m).

b) Hệ thống giao thông đối nội:

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

- Tuyến đường trục thôn: gồm 13 tuyến, với tổng chiều dài 10,25km, Ký hiệu từ ĐTT-HT.01 - ĐTT-HT.13. Lộ giới từ 5,0m÷17,5m, trong đó mặt đường từ 3,5m÷7,5m.

- Tuyến đường ngõ xóm: gồm 37 tuyến, với tổng chiều dài 20,0km, ký hiệu ĐNX-HT.01 - ĐNX-HT.37. Lộ giới là 5,0m÷7,0m, mặt đường là 3,5m÷5,0m.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 40 tuyến, với tổng chiều dài 10,79km, Ô đất ký hiệu ĐNĐ-HT.01 - ĐNĐ-HT.40; chiều rộng nền đường 3,0m, mặt đường 2,5m.

6.2.2. Quy hoạch cao độ nền

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Nhìn chung với định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp.

- Các tuyến kênh mương khi cải tạo, cứng hóa, được xác định cao độ đáy kênh phù hợp; Với các tuyến kênh tưới, cốt đáy kênh thiết kế căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực, hướng tuyến kênh để thiết kế cho phù hợp

6.2.3. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Bố trí mạng lưới đường ống cấp nước sạch từ xã Hợp Thành. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D110- D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính \geq D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

6.2.4. Hệ thống điện

Giữ nguyên vị trí các trạm biến áp, và các tuyến đường dây tải điện hiện có, gồm 5 trạm biến áp; 4,6 km đường dây trung thế 22KV; 20,5km đường hạ thế 0,4KV. Để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp điện trong giai đoạn đến năm 2030, nâng cấp công suất trạm biến áp số 1, số 4, số 5 từ 250KVA lên 320KVA; Nâng cấp trạm biến áp số 2 và số 3 từ công suất 180KVA lên 320KVA. Tổng công suất của các trạm biến áp sau nâng cấp là 1.600KVA, đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

6.4. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

6.4.1 Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Hợp Tiến sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

- Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

6.4.2. Hệ thống rác thải

- Khu trung chuyển rác thải được bố trí tại khu vực Đồng Đập, Đồng Bạt thôn 4, với diện tích 2,05ha. Ô đất ký hiệu DAR01.

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý.

6.4.3. Quy hoạch nghĩa trang

- Trong giai đoạn ngắn hạn các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn xã sẽ đóng cửa, đồng thời có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường; (Ô đất ký hiệu từ NTD01-NTD09).

- Trong giai đoạn dài hạn: quy hoạch 3 nghĩa trang tập trung:

- Mở rộng nghĩa trang Biền Sành thôn 1, tại khu vực Đồng Rùa Cao với diện tích 0,15ha.

- Mở rộng nghĩa trang Ao Chu thôn 3, tại khu vực đồng Nhà Lò, với diện tích 0,33ha.

- Mở rộng nghĩa trang Cồn Rế thôn 5, tại khu vực Đồi Lâm Nghiệp, với diện tích 0,22ha.

- Mở rộng nghĩa trang Đồng Lầy thôn 5, tại khu vực Đồng Đình, với diện tích 0,27ha.

7. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

7.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các hạng mục khác.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.

- Xây dựng, cải tạo kiến cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.

- Xây dựng mới trạm biến áp, nâng cấp các trạm biến áp hiện có.

- Xây dựng mới nhà công an, nhà trực dân quân cơ động, nhà văn hóa và sân thể thao các thôn, trạm y tế, bưu điện.

- Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có.

7.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hợp Tiến tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP Điều phối NTM huyện;
- Như Điều 3 QĐ;
- UBND xã Hợp Tiến;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính